

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 134/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2018

“Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thành Thập

2/ Bà Dương Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương: không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2018/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng H, sinh năm 1971 (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lưu Thị L, sinh năm 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 04, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn ông Lê Hoàng H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà L sống chung với nhau từ năm 1995, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau hơn 20 năm không có chuyện gì xảy ra nhưng thời gian vài năm nay vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà L gây ra nợ nần, ông đã trả nhiều lần, ông có khuyên ngăn nhưng bà L không thay đổi, vợ chồng bất đồng quan điểm sống làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nay ông xin được ly hôn với bà L.

Về con chung: Có một người con chung tên Lê Thạch T, sinh ngày 20/5/1996. Hiện nay con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét.

Theo bị đơn bà Lưu Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông H sống chung với nhau từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng nào cũng có những mâu thuẫn nhưng nếu ông H đã cương quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý với ông H.

Về con chung: Có một người con chung tên Lê Thạch T, sinh ngày 20/5/1996. Hiện nay con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lưu Thị L có đơn xin xét xử vắng vắng, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Hoàng H và bà Lưu Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà L đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

...”

Tại phiên tòa ông H có yêu cầu ly hôn với bà L nhưng do quan hệ hôn nhân giữa ông và bà không có giá trị pháp lý nên HĐXX không xem xét. Xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình để xem xét không công nhận quan hệ giữa ông H và bà L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Thạch T, sinh ngày 20/5/1996. Hiện nay T đã trưởng thành, có gia đình riêng và ông H bà L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên miễn xét.

[6] Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 9; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Lê Hoàng H và bà Lưu Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Có một người con chung tên Lê Thạch T, sinh ngày 20/5/1996. Hiện nay T đã trưởng thành, có gia đình riêng và ông H bà L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên miễn xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên miễn xét.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144, 146 Bộ luật tố Tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Lê Hoàng H phải chịu án phí HNGĐ-ST là 300.000 đồng và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001891 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

3/ Quyền kháng cáo: Ông H có mặt được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2018); bà L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- THADS huyện Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Mai